TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST Ngày 16-6-2025 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Hoàng Đắc Hân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị T, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Thôn 7, xã T, huyện N (nay là xã Q, thành phố N), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Căn hộ số 2612A tầng 26, tòa nhà Lotus, khu chung cư H, đường Võ Nguyên Giáp, phường K, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh K, sinh năm 1985; nơi đăng ký thường trú: Thôn 7, xã T, huyện N (nay là xã Q, thành phố N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị T trình bày:

Chị kết hôn với anh K trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 7, xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T khẳng định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh K không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 và T sinh ngày 16 tháng 02 năm 2019. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi 02 con. Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên T sinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao con chung tên C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại xã S, huyện N (nay là phường Đ, thành phố N), thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau.

Tại bản tự khai ngày 18 tháng 4 năm 2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh K trình bày: Thống nhất với lời khai của chị T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2024 có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và do anh bận công việc không quan tâm vợ con đầy đủ được nhưng mâu thuẫn không trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay. Nay chị T có đơn xin ly hôn, quan điểm của anh K là không đồng ý ly hôn vì con còn nhỏ.

Về con chung: Thống nhất với lời khai của chị T về việc vợ chồng có 02 con chung tên C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 và Tsinh ngày 16 tháng 02 năm 2019. Trường hợp vợ chồng ly hôn anh K yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh K không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh K không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về tài sản chung.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thành phố N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải

quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh K chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị T. Về hôn nhân: Cho chị T được ly hôn anh K. Về con chung: Giao con chung tên Tsinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật, giao con chung tên Csinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là anh K đã được Toà án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh K.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, thành phố Hải Phòng vào ngày 12 tháng 12 năm 2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T và anh K chung sống với nhau tại thôn 7, xã T, huyện N (nay là xã Q, thành phố N), thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chị T và anh K chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T trình bày do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh K. Bị đơn là anh K thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2024 vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong việc làm ăn và do anh bận công việc không quan tâm vợ con đầy đủ được nhưng mâu thuẫn không trầm trọng, vợ chồng

đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2025 đến nay nhưng anh không đồng ý ly hôn với lý do con còn nhỏ. Tài liệu xác minh thể hiện quá trình vợ chồng chị T và anh K chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn và đến đầu năm 2024 mâu thuẫn trở lên căng thẳng, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, thiếu sự quan tâm chia sẻ động viên nhau, gia đình đã khuyên giải nhưng không có kết quả. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa chị T và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc anh K không đồng ý ly hôn với lý do con còn nhỏ chỉ nhằm mục đích gây khó khăn cho chị T. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh K.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung tên Csinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 và Tsinh ngày 16 tháng 02 năm 2019. Hiện nay chị T đang trực tiếp nuôi 02 con chung. Khi ly hôn chị T yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung tên Tsinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao con chung tên Csinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh K yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả 02 con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng thì cần xem xét để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét chị T và anh K đều có công việc và thu nhập, có nơi ở nên chị T và anh K đều có điều kiện và khả năng nuôi con, con chung tên Tcòn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Vì vậy căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung tên Tsinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, còn giao con chung tên Csinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng có tài sản chung là nhà và đất tại xã S, huyện N (nay là phường Đ, thành phố N), thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia, nếu không tự thỏa thuận phân chia được thì sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết sau. Anh K không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về tài sản chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Cho chị T được ly hôn anh K.

2. Về con chung: Giao con chung tên Tsinh ngày 16 tháng 02 năm 2019 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Giao con chung tên C sinh ngày 05 tháng 11 năm 2013 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010308 ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, thành phố Hải Phòng, chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP Hải Phòng;
- Viện Kiểm sát nhân dân TP N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP N;
- Ủy ban nhân dân xã Q, thành phố N, thành phố Hải Phòng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hiền